TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
PHÒNG KẾ HOẠCH ĐT - KHẢO THÍ

Số: 437/ĐHKT-KHĐTKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: **Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2022 của Hệ (ĐHCQ, VB2CQ, LTCQ) và kết quả đăng ký học phần, Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí trân trọng gửi đến các đơn vị **Thời khóa biểu chính thức học kỳ đầu năm 2022** của các khóa sau:

+ Khóa 45 - Hệ Đại học chính quy (**CT Chuẩn và CT Chất lượng cao**).

+ Khóa 46 - Hệ Đại học chính quy (**CT Chuẩn và CT Chất lượng cao**).

+ Khóa 47 - Hệ Đại học chính quy (**CT Chuẩn và CT Chất lượng cao**).

+ Khóa 22.1, 22.2, 23.1, 23.2, 24.1 - Hệ Văn bằng 2 chính quy.

+ Khóa 25.1, 25.2, 26.1, 26.2 - Hệ Liên thông chính quy.

Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với Thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần. Phòng Kế hoạch đào tạo – Khảo thí kính đề nghị các đơn vị thông báo cho giảng viên và sinh viên biết để thực hiện,

Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí kính đề nghị các đơn vị lưu ý nội dung **Thông báo số 1948/TB-ĐHKT-KHĐTKT ngày 08/09/2020 về một số nội dung liên quan đến hình thức giảng dạy LMS** và **Thông báo số 2185/TB-ĐHKT-KHĐTKT ngày 20/12/2021 về việc thí điểm giảng dạy, học tập, thi kết thúc học phần trong điều kiện bình thường mới áp dụng trong học kỳ đầu năm 2022,**

Đối với các lớp học phần học tại Cơ sở Nguyễn Văn Linh vào buổi sáng, thời gian bắt đầu học sẽ từ 07g10 hoặc từ 07g45. Phòng Kế hoạch đào tạo – Khảo thí kính đề nghị giảng viên và sinh viên lưu ý để sắp xếp việc di chuyển cho phù hợp,

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Phòng kế hoạch đào tạo - Khảo thí,

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- P. ĐT, P. TCKT;
- P. CSHTNH, P. TTPC; P. CSVC;
- Website P. KHĐTKT;
- Lưu: VT, KHĐTKT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG P.KHĐT - KT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

ThS. Võ Thị Tâm

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2022

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	SV vào trường theo cổng đường Đào Duy Từ
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
HP GDTC	Khu TDTT Q.8	144 Phạm Đức Sơn, P.16, Q.8	
GĐ N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GĐ N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

KHÓA 23.2 – HỆ VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY (Học kỳ thứ 3) (CHÍNH THỨC)

	THỜI GIAN
Học lý thuyết	04/01/2022 – 24/07/2022
Nghỉ Tết Âm lịch	25/01/2022 – 07/02/2022
Các ngày nghỉ	10/04/2022, 11/04/2022 30/04/2022, 01/05/2022, 02/05/2022, 03/05/2022
Dự trữ KHĐT	06/06/2022 – 19/06/2022 01/08/2022 - 07/08/2022

ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2022

GIẢNG ĐƯỜNG	CƠ SỞ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
GĐ A...	Cơ sở A	59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3	
GĐ B1...	Cơ sở B – Khu B1	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	SV vào trường theo cổng đường Đào Duy Từ
GĐ B2...	Cơ sở B – Khu B2	279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10	
GĐ C...	Cơ sở C	91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10	
GĐ E...	Cơ sở E	54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1	
GĐ H...	Cơ sở H	1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận	
HP GDTC	Khu TDTT Q.8	144 Phạm Đức Sơn, P.16, Q.8	
GĐ N1...	Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	
GĐ N2...	Cơ sở NVL – Khu Giảng đường	Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh	

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU
(xem tại trang https://student.ueh.edu.vn/ hoặc https://khdtkt.ueh.edu.vn/)

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức		3	22D2MAN50200601	80	AD01	5	4	17g45 - 21g10	B1-404	06/01/22 - 07/04/22	
Phân tích định lượng trong quản trị		3	22D2MAN50201201	80	AD01	7	4	17g45 - 21g10	B1-404	16/04/22 - 04/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-404	12/05/22 - 23/06/22	
Quản trị chất lượng		3	22D2MAN50200701	80	AD01	3	4	17g45 - 21g10	B1-404	04/01/22 - 05/04/22	
Quản trị chiến lược		3	22D2MAN50201102	80	AD01	3	4	17g45 - 21g10	B1-404	12/04/22 - 21/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-404	14/04/22 - 05/05/22	
Quản trị nguồn nhân lực		3	22D2MAN50200401	80	AD01	7	4	17g45 - 21g10	B1-404	08/01/22 - 09/04/22	

CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kỹ năng Nghe TATM 5		2	22D2LIS51301301	50	AV01	2	4	17g45 - 21g10	B1-509	10/01/22 - 14/03/22	
Kỹ năng Nói TATM 5		2	22D2SPE51301901	50	AV01	4	4	17g45 - 21g10	B1-509	05/01/22 - 09/03/22	
Kỹ năng Viết TATM 5		2	22D2WRI51303101	50	AV01	2	4	17g45 - 21g10	B1-509	21/03/22 - 23/05/22	
Kỹ năng Đọc TATM 5		2	22D2REA51302501	50	AV01	4	4	17g45 - 21g10	B1-509	16/03/22 - 04/05/22	
Ngữ Âm - Âm vị học		2	22D2ENG51303801	50	AV01	6	4	17g45 - 21g10	B1-509	07/01/22 - 11/03/22	
Quản trị nguồn nhân lực - EN		3	22D2MAN50211601	50	AV01	6	4	17g45 - 21g10	B1-509	18/03/22 - 03/06/22	

[Học phần tự chọn nhóm 2: chọn 1 trong 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngữ nghĩa học		2	22D2ENG51304101	50	HPTC.2.AV01	4	4	17g45 - 21g10	B1-509	11/05/22 - 13/07/22	Hủy
Từ vựng học		2	22D2ENG51304001	50	HPTC.2.AV01	2	4	17g45 - 21g10	B1-509	30/05/22 - 11/07/22	
						6	4	17g45 - 21g10	B1-509	24/06/22 - 08/07/22	

[Lịch học ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) dành cho chuyên ngành Tiếng Anh thương mại]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 1		3	22D2CHN513101201	50	NN2.CHN. AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-202	04/01/22 - 08/02/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-202	06/01/22 - 10/02/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-202	08/01/22 - 12/02/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 2		3	22D2CHN513102201	50	NN2.CHN. AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-202	15/02/22 - 08/03/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-202	17/02/22 - 10/03/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-202	19/02/22 - 12/03/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 3		3	22D2CHN513103201	50	NN2.CHN. AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-202	15/03/22 - 05/04/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-202	17/03/22 - 07/04/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-202	19/03/22 - 09/04/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 4		3	22D2CHN513104201	50	NN2.CHN. AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-202	12/04/22 - 10/05/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-202	14/04/22 - 12/05/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-202	16/04/22 - 07/05/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 1		3	22D2CHN513101202	50	NN2.CHN. AV02	4	4	17g45 - 21g10	B2-202	05/01/22 - 09/02/22	Hủy
						6	4	17g45 - 21g10	B2-202	07/01/22 - 11/02/22	
						2	4	17g45 - 21g10	B2-202	10/01/22 - 14/02/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 2		3	22D2CHN513102202	50	NN2.CHN. AV02	4	4	17g45 - 21g10	B2-202	16/02/22 - 09/03/22	Hủy
						6	4	17g45 - 21g10	B2-202	18/02/22 - 11/03/22	
						2	4	17g45 - 21g10	B2-202	21/02/22 - 14/03/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 3		3	22D2CHN513103202	50	NN2.CHN. AV02	4	4	17g45 - 21g10	B2-202	16/03/22 - 13/04/22	Hủy
						6	4	17g45 - 21g10	B2-202	18/03/22 - 08/04/22	
						2	4	17g45 - 21g10	B2-202	21/03/22 - 04/04/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 4		3	22D2CHN513104202	50	NN2.CHN. AV02	6	4	17g45 - 21g10	B2-202	15/04/22 - 13/05/22	Hủy
						2	4	17g45 - 21g10	B2-202	18/04/22 - 09/05/22	
						4	4	17g45 - 21g10	B2-202	20/04/22 - 11/05/22	

[Lịch học ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) dành cho chuyên ngành Tiếng Anh thương mại]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 1		3	22D2FRE513101201	50	NN2.FRE.AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-203	04/01/22 - 08/02/22	Hủy
						5	4	17g45 - 21g10	B2-203	06/01/22 - 10/02/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-203	08/01/22 - 12/02/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 2		3	22D2FRE513102201	50	NN2.FRE.AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-203	15/02/22 - 08/03/22	Hủy
						5	4	17g45 - 21g10	B2-203	17/02/22 - 10/03/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-203	19/02/22 - 12/03/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 3		3	22D2FRE513103201	50	NN2.FRE.AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-203	15/03/22 - 05/04/22	Hủy
						5	4	17g45 - 21g10	B2-203	17/03/22 - 07/04/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-203	19/03/22 - 09/04/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 4		3	22D2FRE513104201	50	NN2.FRE.AV01	3	4	17g45 - 21g10	B2-203	12/04/22 - 10/05/22	Hủy
						5	4	17g45 - 21g10	B2-203	14/04/22 - 12/05/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-203	16/04/22 - 07/05/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 1		3	22D2FRE513101202	50	NN2.FRE.AV02	4	4	17g45 - 21g10	B2-203	05/01/22 - 09/02/22	Hủy
						6	4	17g45 - 21g10	B2-203	07/01/22 - 11/02/22	
						2	4	17g45 - 21g10	B2-203	10/01/22 - 14/02/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 2		3	22D2FRE513102202	50	NN2.FRE.AV02	4	4	17g45 - 21g10	B2-203	16/02/22 - 09/03/22	Hủy
						6	4	17g45 - 21g10	B2-203	18/02/22 - 11/03/22	
						2	4	17g45 - 21g10	B2-203	21/02/22 - 14/03/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 3		3	22D2FRE513103202	50	NN2.FRE.AV02	4	4	17g45 - 21g10	B2-203	16/03/22 - 13/04/22	Hủy
						6	4	17g45 - 21g10	B2-203	18/03/22 - 08/04/22	
						2	4	17g45 - 21g10	B2-203	21/03/22 - 04/04/22	
Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) phần 4		3	22D2FRE513104202	50	NN2.FRE.AV02	6	4	17g45 - 21g10	B2-203	15/04/22 - 13/05/22	Hủy
						2	4	17g45 - 21g10	B2-203	18/04/22 - 09/05/22	
						4	4	17g45 - 21g10	B2-203	20/04/22 - 11/05/22	

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Phân tích tài chính		3	22D2FIN50501201	100	FN01,02	5	4	17g45 - 21g10	B2-108	06/01/22 - 07/04/22	
Sản phẩm phái sinh		3	22D2FIN50501501	100	FN01,02	7	4	17g45 - 21g10	B2-108	08/01/22 - 09/04/22	
Đầu tư tài chính		3	22D2FIN50500501	100	FN01,02	3	4	17g45 - 21g10	B2-108	04/01/22 - 05/04/22	

[Học phần tự chọn: chọn 3 trong 7 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hoạch định Thuế		3	22D2TAX50401601	100	HPTC.FN01,02	6	4	17g45 - 21g10	B2-108	15/04/22 - 24/06/22	
						4	4	17g45 - 21g10	B2-108	25/05/22 - 22/06/22	
Kế toán tài chính		3	22D2ACC50700201	100	HPTC.FN01,02	4	4	17g45 - 21g10	B2-108	05/01/22 - 06/04/22	Hủy
Kiểm toán		3	22D2ACC50702101	100	HPTC.FN01,02	2	4	17g45 - 21g10	B2-108	10/01/22 - 18/04/22	
Luật doanh nghiệp		3	22D2LAW51103704	100	HPTC.FN01,02	7	4	17g45 - 21g10	B2-108	16/04/22 - 04/06/22	Hủy
						5	4	17g45 - 21g10	B2-108	12/05/22 - 23/06/22	
Marketing căn bản		3	22D2MAR50300101	100	HPTC.FN01,02	6	4	17g45 - 21g10	B2-108	07/01/22 - 08/04/22	Hủy
Ngân hàng thương mại		3	22D2BAN50600601	100	HPTC.FN01,02	3	4	17g45 - 21g10	B2-108	12/04/22 - 21/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-108	14/04/22 - 05/05/22	
Thuế Quốc tế		3	22D2TAX50402201	100	HPTC.FN01,02	4	4	17g45 - 21g10	B2-108	13/04/22 - 18/05/22	Hủy
						2	4	17g45 - 21g10	B2-108	25/04/22 - 20/06/22	

CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Logistics quốc tế		3	22D2BUS50310701	40	FT01	5	4	17g45 - 21g10	B1-707	06/01/22 - 07/04/22	
Quản trị chiến lược toàn cầu		3	22D2BUS50300601	40	FT01	7	4	17g45 - 21g10	B1-707	08/01/22 - 09/04/22	
Quản trị chuỗi cung ứng		3	22D2BUS50304802	40	FT01	3	4	17g45 - 21g10	B1-707	04/01/22 - 05/04/22	
Tài chính quốc tế		3	22D2FIN50500201	40	FT01	7	4	17g45 - 21g10	B1-707	16/04/22 - 04/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-707	12/05/22 - 23/06/22	
Thương mại quốc tế		3	22D2COM50302201	40	FT01	3	4	17g45 - 21g10	B1-707	12/04/22 - 21/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-707	14/04/22 - 05/05/22	

[Học phần tự chọn nhóm 1: chọn 1 trong 2 học phần]

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Dự án kinh doanh quốc tế		3	22D2BUS50301301	40	HPTC.1.FT 01	6	4	17g45 - 21g10	B1-707	07/01/22 - 08/04/22	Hủy
Quản trị marketing		3	22D2MAR50301802	40	HPTC.1.FT 01	4	4	17g45 - 21g10	B1-707	05/01/22 - 06/04/22	Hủy

CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kế toán công		3	22D2ACC50706501	80	KN01	5	4	17g45 - 21g10	B2-308	06/01/22 - 07/04/22	
Kế toán quản trị 2		3	22D2ACC50706401	80	KN01	7	4	17g45 - 21g10	B2-308	08/01/22 - 09/04/22	
Kế toán tài chính 3A		3	22D2ACC50706202	80	KN01	7	4	17g45 - 21g10	B2-308	16/04/22 - 04/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-308	12/05/22 - 23/06/22	
Kiểm toán 1		3	22D2ACC50701601	80	KN01	3	4	17g45 - 21g10	B2-308	04/01/22 - 05/04/22	
Thực hành hệ thống thông tin kế toán		3	22D2ACC50707601	80	KN01	3	4	17g45 - 21g10	B2-508	12/04/22 - 21/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-508	14/04/22 - 05/05/22	

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Luật doanh nghiệp		3	22D2LAW51103702	60	LA01	5	4	17g45 - 21g10	B2-408	06/01/22 - 07/04/22	
Luật hình sự		4	22D2LAW51104201	60	LA01	7	4	17g45 - 21g10	B2-408	08/01/22 - 07/05/22	
Luật lao động		3	22D2LAW51101302	60	LA01	3	4	17g45 - 21g10	B2-408	12/04/22 - 28/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-408	14/04/22 - 28/04/22	
Luật thương mại		3	22D2LAW51105901	60	LA01	3	4	17g45 - 21g10	B2-408	04/01/22 - 05/04/22	
Luật tố tụng dân sự		3	22D2LAW51102003	60	LA01	5	4	17g45 - 21g10	B2-408	05/05/22 - 30/06/22	
						7	4	17g45 - 21g10	B2-408	14/05/22 - 25/06/22	
Luật doanh nghiệp		3	22D2LAW51103703	60	LA02	7	4	17g45 - 21g10	B2-412	08/01/22 - 09/04/22	
Luật hình sự		4	22D2LAW51104202	60	LA02	3	4	17g45 - 21g10	B2-412	04/01/22 - 26/04/22	
Luật lao động		3	22D2LAW51101303	60	LA02	7	4	17g45 - 21g10	B2-412	16/04/22 - 25/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B2-412	26/05/22 - 30/06/22	
Luật thương mại		3	22D2LAW51105902	60	LA02	5	4	17g45 - 21g10	B2-412	06/01/22 - 07/04/22	
Luật tố tụng dân sự		3	22D2LAW51102004	60	LA02	5	4	17g45 - 21g10	B2-412	14/04/22 - 19/05/22	
						3	4	17g45 - 21g10	B2-412	10/05/22 - 28/06/22	

NGÀNH MARKETING KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Marketing dịch vụ		3	22D2MAR50303101	40	MR01	7	4	17g45 - 21g10	B1-708	16/04/22 - 04/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-708	12/05/22 - 23/06/22	
Marketing quốc tế		3	22D2MAR50301903	40	MR01	7	4	17g45 - 21g10	B1-708	08/01/22 - 09/04/22	
Marketing trong kinh doanh		3	22D2MAR50303002	40	MR01	3	4	17g45 - 21g10	B1-708	12/04/22 - 21/06/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-708	14/04/22 - 05/05/22	
Nghiên cứu marketing		3	22D2MAR50301701	40	MR01	5	4	17g45 - 21g10	B1-708	06/01/22 - 07/04/22	
Quản trị thương hiệu		3	22D2MAR50302901	40	MR01	3	4	17g45 - 21g10	B1-708	04/01/22 - 05/04/22	

CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC KHÓA 23.2 VB2CQ

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Hành vi tổ chức ứng dụng và QLNNL		3	22D2ECO50109401	40	NS01	3	4	17g45 - 21g10	B1-807	04/01/22 - 08/03/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-807	06/01/22 - 10/02/22	
Kinh tế vĩ mô ứng dụng		3	22D2ECO50108801	40	NS01	5	4	17g45 - 21g10	B1-807	17/03/22 - 02/06/22	
Thẩm định kinh tế các dự án đầu tư		3	22D2ECO50101301	40	NS01	3	4	17g45 - 21g10	B1-807	15/03/22 - 21/06/22	
Tiền lương và phúc lợi		3	22D2ECO50103101	40	NS01	7	4	17g45 - 21g10	B1-807	08/01/22 - 12/03/22	
						5	4	17g45 - 21g10	B1-807	17/02/22 - 10/03/22	

[Học phần tự chọn: chọn 5 trong 10 học phần] (Theo đề nghị của Khoa Kinh tế, việc mở lớp tự chọn được chia ra các học kỳ 3,4,5)

TÊN HỌC PHẦN	VN/ EN	TC	MÃ LHP	SL DK	LỚP SV	THỨ	ST	GIỜ HỌC	GĐ	THỜI GIAN HỌC	GHI CHÚ
Kinh tế học lao động		3	22D2ECO50102101	40	HPTC.NS01	4	4	17g45 - 21g10	B1-807	13/04/22 - 11/05/22	Hủy
						2	4	17g45 - 21g10	B1-807	18/04/22 - 20/06/22	
Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức		3	22D2ECO50102701	40	HPTC.NS01	7	4	17g45 - 21g10	B1-807	19/03/22 - 25/06/22	
Định mức lao động		3	22D2ECO50102901	40	HPTC.NS01	6	4	17g45 - 21g10	B1-807	15/04/22 - 03/06/22	Hủy
						4	4	17g45 - 21g10	B1-807	18/05/22 - 22/06/22	
Quan hệ lao động		3									Sẽ mở lớp trong học kỳ thứ 4 (học kỳ cuối năm 2022)
Dân số và phát triển		3									
Luật lao động		3									
Phương pháp nghiên cứu kinh tế		3									Sẽ mở lớp trong học kỳ thứ 5 (học kỳ đầu năm 2023)
Phát triển nguồn nhân lực		3									
Quản trị nguồn nhân lực quốc tế		3									
Phát triển kỹ năng lãnh đạo		3									